

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2024/HS-ST

Ngày 28-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Nguyên.

Ông Vi Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọc Bích Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Âu Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 03/2024/TB-TA ngày 25 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lương Văn Ú, sinh ngày 27 tháng 7 năm 1979 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị T (đã chết); vợ Hoàng Thị L (đã chết) và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 05/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

2. Lý Mạnh T1, sinh ngày 19 tháng 01 năm 2004 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn K và bà Lương Thị T2; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử

lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 05/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

3. Mai Xuân L1, sinh ngày 05 tháng 8 năm 1987 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Mai Văn M (đã chết) và bà Hoàng Thị L2; vợ: Ôn Thị Mai H (đã ly hôn) và 03 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 05/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

4. Nông Văn T3, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1977 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Kim P (đã chết) và bà Hoàng Thị V; vợ: Nông Thị M1 và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 05/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

5. Lê Văn H1, sinh ngày 25 tháng 9 năm 1982 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn N và bà Lý Thị N1; vợ: Lương Thị Q và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 30/11/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

6. Hoàng Minh Đ, sinh ngày 20 tháng 01 năm 1984 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T4 và bà Lương Thị T5; vợ: Lê Thị T6 và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 30/11/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

7. Nông Văn H2, sinh ngày 27 tháng 02 năm 2001 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn T3 và bà Nông Thị M1; vợ: Lương Thị T7 và 01 con sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị

tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 05/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

8. Nông Văn M2, sinh ngày 24 tháng 6 năm 1986 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Kim P (đã chết) và bà Hoàng Thị V; vợ: Linh Thị H3 và 03 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 05/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

9. Lương Văn T8, sinh ngày 01 tháng 7 năm 1977 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị T (đã chết); vợ: Lê Thị T9 và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 30/11/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

10. Lương Văn T10, sinh ngày 13 tháng 12 năm 1986 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn T11 (đã chết) và bà Hoàng Thị B; vợ: Hoàng Thị V1 và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 05/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

11. Nông Văn Đ1, sinh ngày 15 tháng 6 năm 1989 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: nùng; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Văn N2 và bà Linh Thị P1; vợ: Hoàng Thị T12 và 03 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 05/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

12. Hoàng Văn L3, sinh ngày 17 tháng 01 năm 1991 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Linh Văn K1 (đã chết) và bà Hoàng Thị S; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 08/10/2023 đến ngày 05/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

13. Lương Hùng C1, sinh ngày 27 tháng 01 năm 1986 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn M, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn Q1 và bà Hoàng Thị Đ2; vợ: Lương Thị Thanh N3 và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/11/2023 cho đến nay; có mặt.

14. Lương Trường G, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1988 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn C2 và bà Hà Thị B1; vợ: Nguyễn Thị H4 và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

15. Nguyễn Văn K2, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1991 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn G, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Trọng K3 và bà Hoàng Thị Y; vợ: Lương Thùy D và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

16. Lương Văn N4, sinh ngày 17 tháng 5 năm 1990 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn V2 (đã chết) và bà Lương Thị S1; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 27/11/2023 đến ngày 22/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

17. Lương Văn T11, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1985, tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn N, xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lương Văn L4 và bà Lương Thị P2; vợ: Lương Thị T13 và 02 con; tiền án, tiền sự: chưa có; nhân thân: chưa bị xử lý trách nhiệm hình sự và xử lý vi phạm hành chính; bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày 27/11/2023 đến ngày 05/01/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh đến nay; có mặt.

18. Nông Văn T14, sinh ngày 17 tháng 11 năm 1989 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã V, huyện C,

tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: tày; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Viết M3 và bà Nông Thị V3; vợ: Nguyễn Thị H5 và 02 con; tiền án, tiền sự: không có; nhân thân: ngày 22/5/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn xét xử 04 tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm theo quy định khoản 1 Điều 155 Bộ luật hình sự (trả tự do ngay tại phiên tòa và đã được xóa án tích); bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C từ ngày từ ngày 27/11/2023 đến ngày 22/12/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Bảo lãnh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ, ngày 07 tháng 10 năm 2023 tại nhà Lương Văn Ú tại thôn L, xã V, huyện C, sau khi Hoàng Minh Đ, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Nông Văn Đ1, Lê Văn H1, Nông Văn T3, Nông Văn H2, Nông Văn T14, Lương Văn T11, Lương Văn N4, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2 ăn cơm, uống rượu xong thì Nông Văn Đ1, Nông Văn H2 đi chơi. Lương Văn T11 lấy 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ và 04 (bốn) quân vị được cắt từ vỏ bao thuốc, rủ mọi người còn lại đánh bạc, nhưng Lương Văn Ú không cho đánh bạc tại nhà mình nên Lương Văn T11 cầm bát, đĩa, quân vị xuống đường mòn cách 200 mét để đánh bạc, Lương Văn Ú cầm theo đèn tích điện và chiếu để đánh bạc. Sau đó, Lý Mạnh T1 đến tham gia đánh bạc cùng những người còn ở nhà Lương Văn Ú. Khi đánh bạc, bị cáo Lương Văn Văn T11 là người cầm cái đầu tiên, sau đó đến bị cáo Nông Văn T14 cầm cái thì bị cáo Lương Văn T10 đến tham gia đánh bạc. Tiếp đến Nông Văn M2 cầm cái, trong lúc đánh bạc này, các bị cáo Lương Văn T11, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2, Nông Văn T14 thua hết tiền nên đi về. Đến bị cáo Lý Mạnh T1 cầm cái thì bị cáo Hoàng Văn L3 đến tham gia đánh bạc và các bị cáo Hoàng Minh Đ, Nông Văn M2, Lương Văn T8 đi về, đến khoảng 22 giờ cùng ngày, bị cáo Mai Xuân L1 đến tham gia đánh bạc và cầm cái, lúc này các bị cáo Nông Văn Đ1, Nông Văn H2 đến tham gia đánh bạc.

Đến khoảng 23 giờ cùng ngày lực lượng Công an huyện C bắt quả tang các bị cáo đánh bạc, tạm giữ các đối tượng và thu giữ vật chứng liên quan gồm: thu giữ trên chiếu bạc 1.450.000 đồng (một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ có họa tiết đã bị vỡ, 04 (bốn) quân vị hình tròn, 01 (một) bóng đèn tích điện màu cam trắng, 01 (một) chiếu nhựa màu xanh vàng trắng. Thu giữ trên người các đối tượng: Mai Xuân L1 số tiền 310.000 đồng (ba trăm mười nghìn đồng); Lương Văn T10 số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng); Nông Văn T3 400.000 đồng (bốn trăm nghìn đồng); Lê Văn H1 2.220.000 đồng (hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng); Nông Văn Đ1 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng). Khi lực lượng Công an đến, các bị cáo Lương Hùng C1, Lương Văn N4, Nông Văn H2, Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Hoàng Văn L3 bỏ chạy. Ngày 08 tháng 10 năm 2023, Nông Văn T3 giao nộp 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); Nông Văn M2 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng); Lương Văn T8

1.000.000 đồng (một triệu đồng); Hoàng Minh Đ 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng); Lương Văn Ú 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Đến ngày 06/12/2023 các bị cáo Lương Trường G, Lương Văn T11 đến Công an huyện C đầu thú.

Tại Bản kết luận giám định số: 1103/KL-KTHS ngày 06/11/2023 của Phòng K4, Công an tỉnh L kết luận: Toàn bộ số tiền Việt Nam trong 11 phong bì niêm phong (thu giữ tại chiếu bạc 1.450.000 đồng, trên người các bị cáo tổng số tiền 3.330.000 đồng và số tiền các bị cáo giao nộp lại là 4.150.000 đồng) gửi giám định đều là tiền thật.

Quá điều tra và tại phiên tòa xác định xác định có 18 bị cáo gồm Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Hùng C1, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2, Lương Văn N4, Lương Văn T11 và Nông Văn T14 tham gia đánh bạc với tổng số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 8.950.000 đồng (tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó thu trên chiếu bạc là 1.450.000 đồng; thu giữ của các bị cáo là 3.330.000 đồng, các bị cáo tự nguyện giao nộp 4.150.000 đồng và 20.000 đồng của bị cáo Lý Mạnh T1 đã mang về sử dụng cá nhân.

Hình thức đánh bạc như sau: Có 01 người cầm cái, sau khi người cầm cái cho 04 quân vị hình tròn có một mặt màu trắng và một mặt màu vàng vào đĩa, úp bát lại và xóc rồi đặt xuống nhưng chưa mở bát, những người tham gia đánh bạc đặt tiền cược tùy ý vào cửa chắn hoặc cửa lẻ. Khi những người chơi đặt cược tiền xong thì người cầm cái sẽ tiến hành mở bát và so kết quả, cửa chắn là 04 (bốn) hoặc 02 (hai) quân vị đều có mặt màu trắng hoặc màu vàng, cửa lẻ là 03 (ba) quân vị có mặt màu trắng và 01 (một) quân vị màu vàng, hoặc ngược lại. Số tiền người chơi thắng sẽ bằng với số tiền mà người chơi đã đặt cược và ngược lại nếu thua thì số tiền thua sẽ là số tiền người chơi đã đặt cược. Trong khi đánh bạc không quy ước số tiền đặt cược, ván thấp nhất 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng), ván cao nhất 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Cáo trạng số: 12/CT-VKSCL ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Hùng C1, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2, Lương Văn N4, Lương Văn T11, Nông Văn T14 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Hùng C1, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2, Lương Văn N4, Lương Văn T11, Nông Văn T14 khai rõ hành vi đánh bạc, thời gian, địa điểm, hình thức, số tiền đánh bạc và vai trò đánh bạc như đã khai tại Cơ quan Điều tra, đồng thời xác định ngoài 18 bị cáo bị truy tố đưa ra xét xử thì không còn ai tham gia đánh bạc khác, không có người giúp sức. Các bị cáo khẳng định hành vi Đánh bạc của mình và đồng phạm là vi

phạm pháp luật, nội dung của Cáo trạng là đúng, các bị cáo không bị oan sai. Đối với vật chứng của vụ án, về số tiền sử dụng đánh bạc là của các bị cáo; các công cụ để đánh bạc là của nhà bị cáo Lương Văn Ú, do bị các bị cáo Lương Văn Ú, Lương Văn T11 đem đến địa điểm đánh bạc nên các bị cáo đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố, phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, đánh giá về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Hùng C1, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2, Lương Văn N4, Lương Văn T11, Nông Văn T14 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn T11 từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn T14 từ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn M2 từ 12 (mười hai) tháng đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Xử phạt bị cáo Nông Văn T3, Lê Văn H1 từ 10 (mười) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách. Xử phạt bị cáo Lương Văn T8, Lương Hùng C1 từ 09 (chín) tháng đến 11 (mười một) tháng tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 50; Điều 58; Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Văn N4 từ 12 (mười hai) tháng đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ. Xử phạt Nông Văn H2 từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 36; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Lương Trường G, Hoàng Minh Đ từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn K2 từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều làm ruộng, thu nhập không ổn định nên không đề nghị áp dụng.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 8.930.000 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) trong 11 phong bì được niêm phong dán kín sau giám định; tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) của bị cáo Lý Mạnh T1; tịch thu tiêu hủy 01 (một) bát sứ; 01 (một) đĩa sứ; 04 (bốn) quân vị; 01 (một) đèn tích điện; 01 (một) chiếc nhựa màu xanh vàng.

Phản tranh luận: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thể hiện như sau: Khoảng 20 giờ đến 23 giờ, ngày 07 tháng 10 năm 2023, tại đường mòn thuộc thôn L, xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Hùng C1, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2, Lương Văn N4, Lương Văn T11, Nông Văn T14 đã thực hiện hành vi đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền, tổng số các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 8.950.000 đồng (tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ; hành vi của các bị cáo gây mất an ninh, trật tự của địa phương, bị xã hội lên án. Các bị cáo là người có thể chất phát triển bình thường, có đầy đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn kiếm tiền từ đánh bạc, coi thường pháp luật nên các bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Đánh bạc là một trong những tệ nạn xã hội nhức nhối, phức tạp và là

tiền đề cho các loại tội phạm khác phát sinh nên cần phải có biện pháp ngăn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò đồng phạm: đây là vụ án có tính chất đồng phạm, nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có mục đích đánh bạc từ trước, chỉ rủ nhau đánh bạc sau khi gặp nhau uống rượu xong, nhưng cần phải xem xét đến vai trò của mỗi bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội để quyết định hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội đó, cụ thể vai trò của các bị cáo như sau: Bị cáo Lương Văn T11 là người nảy sinh ý định đánh bạc, chuẩn bị công cụ, rủ các bị cáo khác đánh bạc và là người cầm cái đầu tiên nên xác định là vai trò chính; vai trò tiếp theo thuộc về các bị cáo chuẩn bị công cụ phạm tội, cầm cái gồm Lương Văn Ú, Nông Văn T14, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn M2. Các bị cáo Nông Văn T3, Lê Văn H1 là người sử dụng số tiền lớn nhất để đánh bạc nên chịu trách nhiệm tiếp theo. Các bị cáo còn lại gồm Lương Văn T8, Lương Hùng C1, Nông Văn T15, Lương Văn Đ3, Hoàng Văn L3, Lương Văn N4, Nông Văn H2, Lương Trường G, Hoàng Minh Đ và Nguyễn Văn K2 đến đánh bạc và ra về tại thời điểm khác nhau, sử dụng số tiền đánh bạc khác nhau nhưng tính chất mức độ ngang nhau, có vai trò ít nghiêm trọng.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Về nhân thân: các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Hùng C1, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2, Lương Văn N4, Lương Văn T11 chưa có tiền án, tiền sự nên là người có nhân thân tốt. Bị cáo Nông Văn T14 có 01 tiền án về tội Vận chuyển hàng cấm đã được xóa án tích nên xác định là người có nhân thân không tốt.

[5.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Hùng C1, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2, Lương Văn N4, Lương Văn T11 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lương Trường G, Lương Văn T11 đầu thú về hành vi phạm tội của bản thân; bị cáo Hoàng Minh Đ có bố đẻ được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, mẹ đẻ được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba; các bị cáo Lương Văn T11, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2 đã chấp hành tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước tại địa phương, đóng góp các khoản tiền do địa phương phát động đầy đủ và hiến đất để làm đường, được chính quyền địa phương xác nhận nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nông Văn T14 thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải; chấp hành tốt các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước tại địa phương, có đóng góp tiền và hiến đất để làm đường được địa phương xác nhận nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Từ những phân tích [3], [4] và [5] và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[6.1] Các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Hùng C1, Lương Văn T11 đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội nhưng thuộc tội phạm ít nghiêm trọng; các bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo Nông Văn T14 có 01 tiền án, đã được xóa án tích như phần đầu bản án đã nêu. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo thành khẩn, khai báo và bị cáo chấp hành chủ trương chính sách của Nhà nước và có đóng góp nhiều cho địa phương nên bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng và không thuộc trường hợp cấm được hưởng án treo mà Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn nên các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Hùng C1, Lương Văn T11, Nông Văn T14 có đủ điều kiện được áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của bộ luật Hình sự về án treo. Việc cho các bị cáo được hưởng án treo vẫn đảm bảo được tính răn đe, giáo dục, đồng thời đảm bảo tính khoan hồng của pháp luật được thực hiện.

[6.2] Các bị cáo Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Trường G, Lương Văn N4 tham gia đánh bạc với vai trò ít nghiêm trọng so với các bị cáo khác, số tiền tham gia đánh bạc ít, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ là phù hợp với các quy định của pháp luật. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo vì các bị cáo có nghề nghiệp chính là làm ruộng, thu nhập thấp.

[6.3] Đối với bị cáo Nguyễn Văn K2 tham gia đánh bạc với vai trò trong nhóm ít nghiêm trọng nhất, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, trước khi phạm tội chấp hành tốt chính sách pháp luật và các quy định tại địa phương, ngoài làm ruộng bị cáo còn làm nghề nghiệp khác có thu nhập ổn định đủ điều kiện để thi hành án. Do đó, áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền để nộp vào ngân sách Nhà nước là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 35 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung:

[7.1] Các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn M2, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Lương Văn T8, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Hùng C1, Lương Trường G, Lương Văn N4, Lương Văn T11 đều làm ruộng, thu nhập thấp, không có tài sản riêng để đảm bảo cho việc thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[7.2] Bị cáo Nguyễn Văn K2 áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, bị cáo Nông Văn M2 thuộc hộ cận nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 8.930.000 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) và 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) của bị cáo Lý Mạnh T1 là tiền đánh bạc nên tịch thu nộp Ngân sách nhà nước. Đối với 01 (một) đĩa sứ bị vỡ thành 05 (năm) mảnh; 04 (bốn) quân vị; 01 (một) đèn tích điện; 01 (một) chiếc nhựa màu xanh vàng là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[9] Cáo trạng số: 12/CT-VKSCL ngày 07 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo và về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Hùng C1, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2, Lương Văn N4, Lương Văn T11, Nông Văn T14 là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên bị cáo Nông Văn M2 thuộc trường hợp hộ cận nghèo và có đơn yêu cầu được miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[11] Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Hùng C1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Văn N4.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Minh Đ, Lương Trường G

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các Điều 17, 36, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn H2.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 35, 50, 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn K2.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 50, 38, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lương Văn T11.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38, 50, 58; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Văn T14.

Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Hùng C1, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2, Lương Văn N4, Lương Văn T11 và Nông Văn T14 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lương Văn Ú 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị cáo.

2.2. Xử phạt bị cáo Lý Mạnh T1 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị cáo.

2.3. Xử phạt bị cáo Mai Xuân L1 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát,

giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị cáo.

2.4. Xử phạt bị cáo Nông Văn T3 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị cáo.

2.5. Xử phạt bị cáo Lê Văn H1 10 (mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 08 (tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị cáo.

2.6. Xử phạt bị cáo Hoàng Minh Đ 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn 54 (năm mươi tư) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 08-10-2023 đến ngày 30-11-2023), quy đổi bằng 162 (một trăm sáu mươi hai) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ, thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.7. Xử phạt bị cáo Nông Văn H2 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn 59 (năm mươi chín) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 08-10-2023 đến ngày 05-12-2023), quy đổi bằng 177 (một trăm bảy mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 03 (ba) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.8. Xử phạt bị cáo Nông Văn M2 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị cáo.

2.9. Xử phạt bị cáo Lương Văn T8 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

ngày 28 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị cáo.

2.10. Xử phạt bị cáo Lương Văn T10 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn 59 (năm mươi chín) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 08-10-2023 đến ngày 05-12-2023), quy đổi bằng 177 (một trăm bảy mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.11. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ1 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn 59 (năm mươi chín) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 08-10-2023 đến ngày 05-12-2023), quy đổi bằng 177 (một trăm bảy mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.12. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn L3 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn 59 (năm mươi chín) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 08-10-2023 đến ngày 05-12-2023), quy đổi bằng 177 (một trăm bảy mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.13. Xử phạt bị cáo Lương Hùng C1 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị cáo.

2.14. Xử phạt bị cáo Lương Trường G 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn 40 (bốn mươi) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 27-11-2023 đến ngày 05-01-2024), quy đổi bằng 120 ngày (một trăm hai mươi ngày) cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 05 (năm) tháng cải tạo không giam giữ, thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.15. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn K2 số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng để nộp ngân sách Nhà nước).

2.16. Xử phạt bị cáo Lương Văn N4 01 (một) năm cải tạo không giam giữ, được trừ thời hạn 26 (hai mươi sáu) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 27-11-2023 đến ngày 22-12-2023), quy đổi bằng 78 ngày (bảy mươi tám ngày) cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 09 (chín) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ, thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, tính từ Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C, tỉnh Lạng Sơn nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2.17. Xử phạt bị cáo Lương Văn T11 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị kết án.

2.18. Xử phạt bị cáo Nông Văn T14 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 28 tháng 3 năm 2024. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục người bị kết án.

Các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Hùng C1, Lương Văn T11, Nông Văn T14 được cho hưởng án treo, trong thời gian thử thách nếu có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp các bị cáo được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi

cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Các bị cáo Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Trường G, Lương Văn N4 bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) bát sứ; 01 (một) đĩa sứ có họa tiết đã bị vỡ thành 05 (năm) mảnh; 04 (bốn) quân vị hình tròn một mặt vàng, một mặt trắng; 01 (một) đèn tích điện màu cam trắng; 01 (một) chiếu nhựa màu xanh vàng trắng kích thước 147cm x 199cm.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ, bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng để bảo quản giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn ngày 07 tháng 3 năm 2024).

3.2. Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: Số tiền 8.930.000 đồng (tám triệu chín trăm ba mươi nghìn đồng) và tịch thu số tiền 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng) của bị cáo Lý Mạnh T1.

(Số tiền hiện đang lưu giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn mở tại Kho bạc Nhà nước huyện C, tỉnh Lạng Sơn theo ủy nhiệm chi lập ngày 07 tháng 3 năm 2024).

4. Về án phí: Các bị cáo Lương Văn Ú, Lý Mạnh T1, Mai Xuân L1, Nông Văn T3, Lê Văn H1, Hoàng Minh Đ, Nông Văn H2, Nông Văn M2, Lương Văn T8, Lương Văn T10, Nông Văn Đ1, Hoàng Văn L3, Lương Hùng C1, Lương Trường G, Nguyễn Văn K2, Lương Văn N4, Lương Văn T11, Nông Văn T14 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Bị cáo Nông Văn M2 được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Sở tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện C;
- Cơ quan điều tra Công an huyện C;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện C;
- Chi cục thi hành án huyện C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Thị Hương Giang

